

BIÊN BẢN

Kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ “Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Á Châu” tại 930 ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 626/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở “Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Á Châu” tại 930 ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Giấy mời số 1559/GM-STNMT ngày 25/12/2024 và Văn bản số 12200/STNMT-MT ngày 27/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc dời thời gian kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Á Châu.

- Thời gian kiểm tra: Từ 09 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 01 năm 2025.

- Địa điểm kiểm tra: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Á Châu tại 930 ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

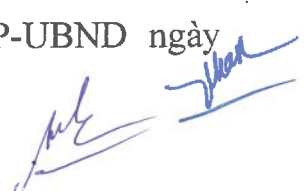
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0301444224, đăng ký lần đầu ngày 02/10/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 17/4/2013 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư; Giấy phép đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301444224-001 đăng ký lần đầu ngày 08/09/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09/11/2010;

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 241/QLMT ngày 17/06/1998 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp cho dự án: Nhà máy sản xuất giày dép - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Việt Á Châu; Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 813/PXN-KHCNMT ngày 20/10/1999 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp cho dự án đầu tư mở rộng xưởng sản xuất da và giả da;

- Giấy phép xây dựng số 182/GPXD ngày 13/11/1998 của Sở Xây dựng cấp; Biên bản không số ngày 12/7/1999 và biên bản số 01NT/2001/BB-VAC ngày 31/01/2001 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng (trong đó bao gồm hệ thống thoát nước nhà xưởng);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 174895 do Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai cấp ngày 03/4/2011 (thửa đất số 564, tờ bản đồ số 18), diện tích là 13.924,7m², đất sản xuất kinh doanh.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 83/GP-UBND ngày



28/04/2022 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp, thời hạn giấy phép 03 năm, lưu lượng khai thác 30m³/ngày.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 196/GP-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh (gia hạn lần thứ 1), lưu lượng xả thải lớn nhất 30m³/ngày, thời hạn 03 năm kể từ ngày 20/9/2020.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B (vốn đầu tư của dự án là 156 tỷ); thuộc Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường theo quy định tại Mục I.2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1. Thành viên có mặt: 05/07 thành viên.

- Ông Lê Văn Bình, Trưởng phòng, Phòng Môi trường - Phó Trưởng đoàn;
- Bà Lê Ngọc Hân, Chuyên viên, Phòng Môi trường - Thành viên, thư ký;
- Ông Phạm Gia Hải, Thành viên Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Đồng Nai - Thành viên;
- Ông Ngô Khắc Hiến, Chuyên viên, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Long Thành - Thành viên.
- Ông Nguyễn Khắc Thảo, Chuyên viên, Phòng Kỹ thuật Quản lý năng lượng, Sở Công thương - Thành viên.

2. Thành viên vắng mặt: 02/07 thành viên (ông Trần Trọng Toàn, Phó Giám đốc Sở - Trưởng đoàn do có lịch họp đột xuất của UBND tỉnh, Sở Xây dựng).

II. Đại diện Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Á Châu

- Ông Nguyễn Văn Trị - Phó Tổng Giám đốc điều hành;
- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Trưởng phòng Hành chính nhân sự.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với Chủ cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Các hạng mục chính của cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt:

- Đã xây dựng 04 nhà xưởng (xưởng đế PU, xưởng khuôn dập, xưởng thành phẩm, xưởng Dasi), kho thành phẩm và các hạng mục phụ trợ. Tổng diện tích xây dựng là 13.678m².

- Công suất sản xuất: Giày 4.000.000 đôi/năm, đế giày dép 2.184.000 đôi/năm, simili (giả da) 400.000m/năm, khuôn là 140 bộ/năm.

- Lượng nước sử dụng trung bình 27,75m³/ngày.

- Số lượng lao động: 550 công nhân).

2. Công trình xử lý nước thải:

Hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải của cơ sở.

2.1. Hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước mưa:

- Đã tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Nước mưa được thu gom và dẫn về hệ thống thoát nước nội bộ và thoát vào tuyến thoát nước của khu vực.

2.2. Hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước thải:

- Mạng lưới thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt mạng lưới thu gom, thoát nước mưa.
- Lượng nước thải phát sinh khoảng 25,25m³/ngày.
- Nước thải phát sinh chủ yếu từ: (1) Nước thải sinh hoạt; (2) nước thải sản xuất dùng cho xử lý khí thải từ hệ thống phun sơn, hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất được dẫn về bể gom của hệ thống xử lý nước thải cục bộ có công suất thiết kế 60m³/ngày. Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt sau khi qua 04 bể tự hoại (90,5m³) được thu gom chung với dòng thải sản xuất → hố thu gom → bể điều hòa → bể xử lý sinh học AO → bể lắng → bể lọc → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (rạch Suối Tre và ra sông Thị Vải).

3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Chủ yếu là khí thải giao thông trong khu vực cơ sở, bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, hơi dung môi từ quá trình sơn sản phẩm. Cơ sở có 01 lò hơi công suất 02 tấn hơi/giờ đốt củi.

Khí thải do quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 180KVA sử dụng dầu DO.

Quy trình xử lý hơi dung môi từ quá trình sơn sản phẩm (08 hệ thống): Bụi, khí thải sơn → Buồng sơn màng nước → quạt hút → ống thoát ra môi trường.

Quy trình xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải lò hơi → Cyclon lắng bụi (khô) → tháp hấp thụ dung dịch NaOH → ống phát thải, cao 18m, D=0,6m.

3. Công trình, thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 420kg/ngày. Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng nhựa có nắp với dung tích từ 120-240lit. Cơ sở hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt Lê Thị Liễu để vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt (Hợp đồng ngày 28/12/2023).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 15,5 tấn/năm, được thu gom và lưu trữ tại khu lưu trữ chất thải công nghiệp không nguy hại diện tích 50m², sau đó chuyển giao cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Môi trường Thái Minh (Hợp đồng số 72.04/HĐCN.MTTM-2024 ngày 02/01/2024).

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 830kg/năm với 06 chủng loại chất thải.

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 50m². Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*cơ sở đã ký hợp đồng thu gom chất thải với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên theo hợp đồng số 451/2024/HĐKT/TTN-TM ngày 01/6/2024 thu gom 07 chủng loại chất thải nguy hại*).

5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không có .

6. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

7. Các nội dung đề nghị cấp phép của chủ cơ sở:

Các nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường.

7.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sơn.

Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu xưởng đế PU.

Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu kho vật tư.

Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý buồng sơn màng nước.

- Vị trí: 01 Hồ ga tiếp giáp hành lang lộ giới đường Quốc lộ 1A.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả vào mương thoát nước hiện hữu sau đó vào rạch Suối Tre, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

- Vị trí xả thải: 930 ấp Xóm Gốc, quốc lộ 51, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tọa độ vị trí: X: 1268284; Y: 0667791

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Lưu lượng nước thải lớn nhất: 30m³/ngày.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

- Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số (K_q=0,9; K_f=1,2).

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	66
3	COD	mg/l	198
4	TSS	mg/l	132
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	13,2
6	Tổng Nitơ	mg/l	52,8
7	Tổng Phốt pho	mg/l	7,92
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13,2
9	Coliform	MPN/100ml	5.000

7.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải lò hơi đốt củi công suất 02 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 1;
- Nguồn số 03: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 2;
- Nguồn số 04: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 3;
- Nguồn số 05: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 4;
- Nguồn số 06: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 5;
- Nguồn số 07: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 6;
- Nguồn số 08: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 7;
- Nguồn số 09: Hơi dung môi từ buồng sơn màng nước số 8;
- Nguồn số 10: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Dòng khí thải, vị trí xả thải:

a) Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi; tọa độ vị trí xả thải: theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6°; tọa độ X = 1188491, Y = 332769.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000m³/giờ.

c) Phương thức xả khí thải: khí thải được xả trực tiếp qua ống thải, xả liên tục khi có vận hành lò hơi.

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột A ($K_p=1,0$; $K_v=0,8$).

7.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

ph
ph

Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện;
- + Nguồn số 02: Quạt hút của HTXL khí thải lò hơi;
- + Nguồn số 3: Khu vực tạo hạt;
- + Nguồn số 4: Khu vực lò hơi;
- + Nguồn số 5: Khu vực máy nén khí
- + Nguồn số 6: Khu vực xưởng đế PU.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Toạ độ X=1188608, Y=0332840.
- + Nguồn số 02: Toạ độ X=1188488, Y=0332769.
- + Nguồn số 03: Toạ độ X=1188448, Y=0332778.
- + Nguồn số 04: Toạ độ X=1188491, Y=0332769.
- + Nguồn số 05: Toạ độ X=1188566, Y=0332685.
- + Nguồn số 06: Toạ độ X=1188489, Y=0332727.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

Các ý kiến nhận xét tại bản nhận xét đính kèm.

V. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra, đề nghị Chủ dự án rà soát chỉnh sửa, bổ sung, lưu ý những nội dung như sau:

1. Hiện trạng thực tế

- Xác định thời điểm hoạt động của cơ sở, sản phẩm của dự án theo thủ tục đánh giá tác động môi trường đã được duyệt, công suất sản xuất năm 2023, 2024. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, tổng diện tích cơ sở sản xuất theo giấy phép xây dựng đã được cấp và các công trình phát sinh ngoài giấy phép xây dựng. Làm rõ có hay không có công trình xây dựng trên phần diện tích 245,3m² hàng lang an toàn giao thông. Bổ sung diện tích cây xanh của cơ sở.

- Bổ sung giấy phép xây dựng được cấp bao gồm công trình xử lý nước thải.

- Về hệ thống thu gom nước mưa: Đề nghị mô tả chi tiết việc thu gom nước mưa từng khu vực nhà xưởng trước khi xả vào tuyến thoát nước của khu vực, nguồn tiếp nhận nước mưa của cơ sở.

- Về hệ thống thu gom xử lý nước thải: Đề nghị mô tả chi tiết việc đầu nối nước thải sau hệ thống xử lý cục bộ với tuyến thoát nước trong khu vực, hiện trạng

khu vực rạch Suối Tre.

- Mô tả biện pháp kiểm soát khí thải khi vận hành máy phát điện công suất 180KVA.

- Rà soát các nội dung thay đổi so với các thủ tục đánh giá tác động môi trường đã được cấp.

- Bổ sung đầy đủ hóa chất, nguyên liệu sử dụng kèm theo xuất xứ; danh mục thiết bị đề nghị bổ sung tình trạng thiết bị đang sử dụng.

- Mô tả đầy đủ các quy trình sản xuất của cơ sở kèm theo dòng thải phát sinh.

2. Về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án:

a) Về các công trình biện pháp, xử lý nước thải:

- Tính toán thể tích bể tự hoại ứng với số người phục vụ trên cơ sở đó xác định công trình bể tự hoại hiện hữu có đảm bảo đáp ứng với quy mô hoạt động của cơ sở, bổ sung các thông tin liên quan về số lượng bể tự hoại, vị trí lắp đặt, thông số kỹ thuật.

- Bổ sung bản vẽ hoàn công về xây dựng các hạng mục công trình xử lý nước thải, gồm: hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

- Thuyết minh chi tiết nước thải sản xuất đầu nối về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày bao gồm các nguồn cụ thể nào, có hay không đầu nối nước thải từ hệ thống phun sơn, nước thải lò hơi về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày.

- Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, bổ sung niêm yết quy trình xử lý nước thải, niêm yết tên các công trình xử lý nước thải; công khai minh bạch đường ống dẫn nước thải, nước sau xử lý, hóa chất bằng các màu sắc khác nhau.

b) Về công trình xử lý khí thải:

- Hơi dung môi chủ yếu phát sinh từ công đoạn sơn của xưởng sơn, cơ sở đã lắp đặt 08 hệ thống hấp thụ sơn bằng màng nước. Vào thời điểm kiểm tra, tại xưởng sơn còn phát sinh mùi sơn do quá trình sơn chưa kín. Do vậy, đề nghị Công ty bổ sung thu gom, xử lý hơi dung môi từ xưởng sơn đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 02 tấn hơi/giờ, nhiên liệu sử dụng là củi tươi. Khí thải lò hơi được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý khí thải (chưa cung cấp thông tin công suất của hệ thống xử lý khí thải, năm hoạt động của lò hơi).

c) Về công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đề nghị làm rõ diện tích lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải thông thường, chất thải nguy hại kèm theo giấy phép xây dựng, bổ sung hình ảnh minh họa khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Bổ sung mô tả khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh; mô tả chi tiết thiết bị lưu chứa CTNH, dán mã chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Về biện pháp hạn chế tiếng ồn, độ rung: Rà soát nguồn phát sinh tiếng ồn phát sinh tại khu vực sản xuất, khu vực xử lý nước thải, khí thải.

e) Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường:

- Đối với thu gom, thoát nước thải: Rà soát bổ sung đầy đủ các nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả thải tối đa nước thải khi phải thực hiện xả thải tuyến thoát nước thải của khu công nghiệp.

- Đối với khí thải: Rà soát bổ sung đầy đủ các nguồn phát sinh khí thải.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: Rà soát mô tả nguồn phát sinh tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất.

- Về công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Quản lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, đánh giá sức chứa các loại chất thải của các khu vực lưu chứa, bổ sung chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh của toàn cơ sở. Nêu rõ kết cấu kỹ thuật của các khu vực lưu giữ, bổ sung hồ sơ chức năng của các đơn vị thu gom chất thải đã nêu tại báo cáo, bố trí vị trí lưu chứa chất thải nguy hại phù hợp hơn cho việc thu gom và bàn giao chất thải.

f) Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở:

Bổ sung đầy đủ thông tin kết quả quan trắc nước thải và lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

g) Kết quả kiểm tra, thanh tra về BVMT đối với cơ sở:

Nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ sở của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo; trường hợp không có thì nêu rõ là không có.

h) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bổ sung các biện pháp ứng phó sự cố môi trường: sự cố cháy nổ, sự cố điện.

i) Phần phụ lục:

- Bổ sung các văn bản pháp lý về cơ sở: Giấy phép xây dựng có nội dung về công trình xử lý nước thải; bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật; biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở; sơ đồ lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.

k) Chính sửa, tiếp thu giải trình các ý kiến của Đoàn kiểm tra theo bản nhận

xét kèm theo.

VI. Ý kiến của chủ dự án:

Chủ cơ sở thống nhất ý kiến của các thành viên kiểm tra và kết luận của biên bản; cam kết bổ sung đầy đủ các nội dung còn tồn tại.

Biên bản được lập vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày tại cơ sở, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí. Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 06 bản, chủ dự án giữ 01 bản để thực hiện./.



Đại diện Chủ cơ sở

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH NHÀ MÁY
Nguyễn Văn Trị

Thư ký đoàn kiểm tra

Lê Ngọc Hân

TM. Đoàn Kiểm tra
Phó Trưởng đoàn

Lê Văn Bình